So sánh chất lượng cuộc sống ở Bangkok và Hà Nội thông qua nhóm chỉ số môi trường tự nhiên và nhà ở của Mercer

Đỗ Thị Liên Vân*

Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - Xã hội Hà Nội

Ngày nhận bài 13/03/2019, ngày gửi phản biện 24/04/2019, ngày duyệt đăng: 9/05/2019

Hiện nay, khi đề cập tới chất lượng cuộc sống (CLCS) của một thành phố, chúng ta không chỉ nhấn mạnh đến các yếu tố vật chất và tinh thần mà còn chú trọng tới những vấn đề khác về đô thị như môi trường tự nhiên và nhà ở. Để có thêm những đánh giá khách quan và sâu sắc hơn về lĩnh vực này, bài viết sẽ nghiên cứu so sánh những điểm tương đồng và khác biệt về CLCS của Bangkok và Hà Nội thông qua kết quả điều tra khảo sát về nhóm chỉ số môi trường tự nhiên và nhà ở của Mercer, đồng thời chỉ ra những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm đối với Hà Nội trong bối cảnh mới.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống, Bangkok, Hà Nội, Mercer

Mở đầu

Trên thế giới có nhiều cách tiếp cận khác nhau về chất lượng cuộc sống. Tùy từng mục tiêu, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau ở mỗi một khu vực, quốc gia hoặc thành phố mà các học giả đưa ra cách tiếp cận phù hợp. Ngày nay, khi đề cập tới CLCS của một thành phố, người ta không chỉ nhấn mạnh đến các yếu tố vật chất hoặc tinh thần, mà còn chú trọng tới cả những yếu tố bức xúc khác trong đô thị như môi trường tự nhiên và nhà ở. Hai yếu tố cũng chính là 2/10 nhóm chỉ số quan trọng trong Bộ chỉ số CLCS của Mercer và sẽ được sử dụng để phân tích, làm rõ khi so sánh giữa 2 thành phố Bangkok và Hà Nội.

1. Khái quát về chất lượng cuộc sống thành phố

Theo quan điểm của nhóm tác giả Takashi Inoguchi và các cộng sự (2014) cho rằng, các chỉ số CLCS không chỉ bao gồm sự giàu có, việc làm mà còn là việc bảo vệ môi trường, sức khỏe thể chất và tinh thần, giáo dục, thời gian giải trí và các lĩnh vực văn hóa, xã hội khác. Các tác giả đã đề cập tới sáu lối sống gồm: cuộc sống hiện đại, cuộc sống số, đời sống tôn giáo, đời sống toàn cầu, đời sống chính trị, cuộc sống gia đình[1]. Còn theo Marans (2012), đây là một khái niệm mang tính liên ngành và nó được thể hiện qua các nghiên cứu liên ngành[2].

Ở góc độ khác, Smith, Nelischer & Perkins (1997) cho rằng CLCS không chỉ với mục đích là thu hút người mới mà còn khuyến khích cư dân hiện tại ở lại gắn bó với thành phố. Điều này đòi hỏi phải có hành động để đảm bảo sự hài lòng của công dân với cuộc sống thành phố[3].

Ở Việt Nam, Bộ chỉ số đô thị (Vietnam Urban Indicators - VUI) của Tổng cục thống kê và Bộ Xây dựng được xây dựng từ năm 2011 nhằm đưa ra các chỉ tiêu thống kê. VUI sử dụng 97 chỉ tiêu thống kê các đô thị gắn với các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ. VUI cung cấp thông tin về từng đô thị trên nhiều mặt như dân số, lao động, y tế, giáo dục, văn hóa, an toàn, sử dụng đất,

*lienvan77@yahoo.com.vn

[1] WHO QOL (1995).

[2] Marans, R.W (2012).

[3] Smith, T. et al (1997).

nhà ở, giao thông, thoát nước, cấp điện, thông tin liên lạc, cấp nước, thoát nước, quản lý chất thải rắn - vệ sinh môi trường, kinh tế tài chính, và quản trị đô thị [4].

Trong số các Bộ chỉ số đưa ra khảo sát CLCS, bộ chỉ số Mercer được đánh giá là toàn diện, được thực hiện thường xuyên hàng năm. Bộ chỉ số không chỉ cung cấp những thông tin hữu ích mà còn đưa ra những khuyến nghị cần thiết đối với các thành phố, các quốc gia trên thế giới. Bộ chỉ số còn là thước đo chất lượng phát triển của các thành phố. Tính đến 2018, Mercer đánh giá CLCS đô thị tại hơn 231 thành phố được khảo sát trên toàn thế giới. CLCS được phân tích theo 39 chỉ số thành phần và chia thành 10 nhóm: *(1) Môi trường chính trị và xã hội; (2) Môi trường kinh tế; (3) Môi trường văn hóa xã hội; (4) Y tế và sức khỏe; (5) Trường học và giáo dục; (6) Dịch vụ công cộng và giao thông; (7) Giải trí; (8) Hàng tiêu dùng; (9) Nhà ở; (10) Môi trường tự nhiên*[5]. Do vậy, dựa vào bộ chỉ số Mercer có thể thực thi một cách hiệu quả việc đánh giá CLCS Hà Nội và Bangkok.

Tuy nhiên, do khuôn khổ có hạn, trong bài viết này, tác giả chỉ sử dụng kết quả xếp hạng CLCS của Mercer đã công bố gần đây kết hợp với kết quả điều tra khảo sát do tác giả thực hiện hiện bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng tại 2 thành phố Bangkok và Hà Nội, với mỗi thành phố là 200 mẫu phiếu nhằm so sánh, làm rõ 2/10 nhóm chỉ số về môi trường tự nhiên và nhà ở, gồm 5 chỉ số trong Bộ chỉ số của Mercer: (1) Khí hậu thời tiết; (2) Thiên tai; (3) Đồ đạc và dụng cụ gia dụng; (4) Bảo trì và sửa chữa nhà ở; (5) Số lượng và quy mô nhà ở.

2. So sánh những điểm giống, khác nhau giữa Bangkok và Hà Nội

2.1. Những điểm giống nhau

(1) Khí hậu thời tiết: Bangkok và Hà Nội cùng nằm ở trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nóng ẩm và mưa nhiều. Tuy nhiên, Bangkok thì có 3 mùa còn Hà Nội là có 4 mùa xuân, hạ, thu, đông. Trước sự biến đổi khí hậu và đô thị hóa nhanh, nhiệt độ của hai thành phố đều đã tăng lên rõ rệt.

(2) Thiên tai: Bangkok và Hà Nội đều đang phải trải những biến đổi về khí hậu, thời tiết. Đây chính là sự trả giá cho sự phát triển bừa bãi và thiếu ý thức của con người đối với tự nhiên.

(3) Đồ đạc và đồ gia dụng: Nhìn chung, so với những năm trước đây, đồ đạc và dụng cụ gia dụng của người dân sống ở các đô thị như Bangkok và Hà Nội đã đầy đủ hơn nhiều. Không chỉ là các tiện nghi sinh hoạt được sản xuất ở trong nước, mà nhiều mặt hàng còn được nhập khẩu từ nước ngoài tùy theo thị hiếu và điều kiện của từng người, từng gia đình. Tuy nhiên, cũng vẫn còn một bộ phận người dân nghèo đô thị, có đời sống gặp nhiều khó khăn nên tiện nghi sinh hoạt còn nhiều thiếu thốn, đơn sơ.

(4) Bảo trì và sửa chữa nhà ở: Cả hai thành phố Bangkok và Hà Nội đều có những khu nhà tập thể được xây từ cách đây vài chục năm. Vì vậy, đến nay các khu nhà tập thể này đều đã xuống cấp, quá hạn sử dụng, cần được sửa chữa và được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương và các nhà quản lý hơn nữa.

(5) Số lượng và quy mô nhà ở. Các khu nhà cao tầng đã nhanh chóng mọc lên để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân về nhà ở. Điều đó đã khiến bộ mặt đô thị của Bangkok và Hà Nội trở nên khang trang, hiện đại hơn. Tuy nhiên, giá nhà đất ở hai thành phố vẫn đang bị đẩy lên quá cao so với giá trị thực và so với giá nhà của nhiều thành phố trên thế giới.

[4] UN - Habitat & ACVN (2010).

[5] Mercer (2015).

2.2. Những điểm khác nhau

(1) Khí hậu thời tiết: Bangkok có khí hậu nhiệt đới hoang dã và chịu ảnh hưởng của hệ thống gió mùa Nam Á. Bangkok trải qua ba mùa: nóng, mưa và mát mẻ, mặc dù nhiệt độ khá nóng quanh năm, từ mức thấp, trung bình 22,0°C (71,6°F) trong tháng 12 đến mức cao, trung bình 35,4 °C (95,7 °F) vào tháng 4. Hiện nay, ngay cả khi trong mùa mát thì nhiệt độ còn cảm thấy oi bức hơn mùa hè bởi hiệu ứng của các tòa nhà cao ốc[6]. Năm 2018, Bangkok đã phải trải qua 276 ngày với mức nhiệt độ trên 32°C.

Nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu Hà Nội có đặc trưng nổi bật là gió mùa ẩm, nóng và mưa nhiều về mùa hè, lạnh và ít mưa về mùa đông; được chia thành bốn mùa rõ rệt trong năm: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Tuy nhiên, đến nay, ranh giới phân chia bốn mùa chỉ mang tính chất tương đối. Hà Nội đã nhiều lần trải qua các biến đổi bất thường của khí hậu - thời tiết. Hà Nội đã từng chịu cái giá lạnh xuống đến 2,7°C [7].

(2) Thiên tai: Dự báo tới đây, tác động của biến đổi khí hậu tại Bangkok chủ yếu sẽ là sự gia tăng tần suất và cường độ của các sự kiện cực đoan[8]. Từ năm 1982 đến năm 2010, nhiệt độ trung bình hàng năm ở Bangkok đã tăng lên ở mức 0,06°C một năm[9]. Trong khi các sự kiện mưa lớn đã tăng cả về tần suất và cường độ, Bangkok còn bị ảnh hưởng bởi hạn hán ngày một nghiêm trọng hơn. Ngoài ra, theo một báo cáo mới nhất của Ủy ban Cải cách Quốc gia Thái Lan (NRC) tuyên bố rằng, Bangkok có thể chìm dưới nước trong vòng hai thập kỷ tới[10].

Còn ở Hà Nội, một số trường hợp điển hình về thiên tai gây nên trong giai đoạn từ 1986 đến 2017 có thể kể đến như: Trận lũ lớn năm 1986; Trận lũ lớn năm 1996; Mưa lớn năm 2002; Ứng ngập năm 2008 do có mưa rất to trên địa bàn Thành phố. Ngập úng đã làm mất điện hoặc phải cắt điện để đảm bảo an toàn ở nhiều tuyến phố và khu dân cư, ảnh hưởng đến sản xuất, kinh doanh của các tổ chức kinh tế, hộ gia đình và hoạt động bình thường của cơ quan, trường học...[11].

(3) Đồ đạc và dụng cụ gia dụng: Có thể thấy các tiện nghi sinh hoạt của các hộ dân ở vùng đô thị Bangkok đã được cải thiện đáng kể. Ngoài những tiện nghi sinh hoạt trong gia đình như: ti vi, tủ lạnh, máy giặt, điều hòa, điện thoại, máy vi tính, xe máy....thì tỷ lệ các phương tiện cá nhân như xe hơi cũng liên tục tăng cao trong những năm gần đây.

Qua số liệu điều tra dân số và nhà ở của Tổng cục thống kê năm 2009 và năm 2014 cho thấy, so với 5 năm trước, tiện nghi sinh hoạt của người dân Hà Nội hiện nay đã được cải thiện rất nhiều. Như vậy số liệu thống kê về tỷ lệ hộ sử dụng xe gắn máy năm 2014 cho thấy số lượng xe cơ giới, đặc biệt là mô tô/xe máy tham gia giao thông ở Hà Nội tăng mạnh trong những năm gần đây. Bên cạnh đó, tỷ lệ sử dụng xe ô tô cũng chiếm 5,7% ở khu vực thành thị[12].

(4) Bảo trì và sửa chữa nhà ở: Từ những năm 1980, phần lớn các tòa nhà được xây dựng đều không bị giới hạn độ cao nên đã sớm biến Bangkok trở thành một khu rừng đô thị với những tòa nhà chọc trời thể hiện phong cách tương phản và xung đột. Do sự chênh lệch kinh tế nên cùng với đó là nhiều khu ổ chuột mọc lên trong thành phố. Một số lượng lớn khu ổ chuột tập trung gần càng Bangkok ở quận Khlong Toei. Trên thực tế, sự chênh lệch rất cao, và khoảng 20% dân số được ước tính sống trong khu định cư khu ổ chuột, được xác định bởi Cơ quan quản lý đô thị Bangkok[13].

[6] Thaiutsa B, et al (2008).
[7] Divya Leducq & Helga - Jane Scarwell (2017).
[8] Bangkok Metropolitan Adminstration (BMA) (2018).
[9] Klongvessa P (2012).
[10] Limjirakan S, Limsakul A, Srlburi T (2010b).
[11] Ban cán sự Đảng UBND TP Hà Nội (2018).
[12] Nxb. Thống tấn (2016).
[13] National Housing Authority of Thailand (2013).

Chính quyền Bangkok đã bố trí các tổ chức công thuộc Bộ Phúc lợi xã hội và Phát triển con người (CODI) để hỗ trợ, tạo điều kiện cho chương trình nâng cấp khu ổ chuột quốc gia - Baan Mankong ("nhà ở an toàn"), được khởi xướng vào năm 2003 với nguồn tài trợ của chính phủ[14]. Bên cạnh đó, chương trình Baan Ua-Arthorn ("chăm sóc nhà ở") được đưa ra cùng một lúc, với phương pháp tiếp cận cung cấp cho chính phủ các ngôi nhà và căn hộ giá cả phải chăng, nhằm vào các nhóm thu nhập trung bình thấp như công nhân Chính phủ[15].

Ở Hà Nội, vào những năm 1960 và 1970, hàng loạt các khu nhà tập thể theo kiểu lắp ghép xuất hiện ở những khu phố hiện rơi vào tình trạng xuống cấp nghiêm trọng. Hơn 10 năm trước, chính quyền Thành phố đã đưa ra chương trình cải tạo, nâng cấp, xây mới các chung cư cũ xuống cấp trên địa bàn Thành phố. Tuy nhiên, có rất nhiều vướng mắc sau hơn 10 năm triển khai trên toàn thành phố, chương trình gần như vẫn đứng yên khi mới chỉ có 14 chung cư cũ được xây dựng mới đưa vào sử dụng, chiếm chưa tới 1%[16]

(5) Số lượng và quy mô nhà ở: Hiện nay, có 581 tòa nhà chọc trời cao trên 90 mét (300 feet) trong thành phố. Bangkok được xếp hạng là thành phố cao thứ 8 thế giới năm 2016. Với số lượng ngày càng tăng cao và tòa nhà chọc trời được xây dựng trong một số khu vực thương mại. Việc mở rộng ra diện tích ra các vùng ngoại ô được của khu vực Bangkok đã khiến giá đất xây dựng và nhà ở bớt đắt đỏ hơn nhưng tỷ lệ hộ gia đình có xe cơ giới (ô tô và xe máy) lại tăng cao[17].

Tại Hà Nội, tiếp tục triển khai các dự án xây dựng nhà ở xã hội, nhà tái định cư. Kết quả 3 năm 2016 - 2018 tổng diện tích nhà ở xây mới đạt 31,87 triệu m^2; trong đó: Nhà ở xã hội: 496.665 m^2; Nhà ở tái định cư: 460.314 m^2; Nhà ở thương mại: 8.014.872 m^2; Nhà ở cho dân tự xây dựng - đã được cấp phép: 22.898.564 m^2. Diện tích bình quân năm 2018 đạt 25,86 m^2/người (mục tiêu đến năm 2020 là 26,3 m^2/người)[18]. Tính đến giữa năm 2017, cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội thống kê được 994 tòa nhà cao tầng. Nhiều dự án xây dựng các tòa nhà chọc trời (cao trên 100 m như Keangnam và Lotte... mọc lên trong thời gian qua đã đưa Hà Nội lọt vào danh sách những thành phố toàn cầu (world city).

3. Thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

3.1. Thành tựu

Có thể nói điều kiện tự nhiên đã tạo điều kiện để Bangkok và Hà Nội phát triển kinh tế - xã hội trong một thời gian dài. Cùng với đó, việc đô thị hóa đã mang đến sự tăng trưởng và thịnh vượng cho nền kinh tế, doanh nghiệp và các cá nhân của hai thành phố. Bộ mặt đô thị ngày càng khang trang, điều kiện sống của người dân cũng ngày một nâng lên.

Hai thành phố cũng thực hiện nhiều Chương trình để khắc phục và hạn chế việc ô nhiễm không khí, nguồn nước, nước thải và rác thải sinh hoạt... các hoạt động trồng cây nhằm tăng độ phủ xanh đô thị đồng thời cải thiện môi trường, giảm bụi, giảm tiếng ồn cho Thành phố.

Trật tự và văn minh đô thị được hai thành phố quan tâm toàn diện hơn. Công tác quản lý trật tự xây dựng, đất đai có chuyển biến tích cực. Hai thành phố đã thực hiện nhiều giải phải để cải tạo, nâng cấp, phát triển nhiều công trình

[14] N.Usavagovitwong, A et al (2013).
[15] Bangkok Urban Government (2014).
[16] Như chú thích số 12.
[17] Provincial local government (DOLA) (2013).
[18] UBND thành phố Hà Nội (2018).

hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn. Chính quyền hai thành phố cũng thực hiện nhiều giải pháp để khắc phục tình trạng thiếu nhà ở, đặc biệt là nhà ở cho các đối tượng thu nhập thấp, người di cư, lao động trong các khu công nghiệp... Ngoài ra, Luật pháp Thái Lan còn cho phép người nước ngoài sở hữu nhà chung cư, mặc dù vẫn còn một số trở ngại nhỏ.

Bên cạnh đó, việc các quốc gia ASEAN đang hình thành mạng lưới thành phố bền vững thông minh (ASCN) nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp lớn giúp đưa khu vực có những bước tiến xa hơn. Sự hình thành của ASCN và xu hướng phát triển các thành phố thông minh tại Bangkok và Hà Nội ra đời nhằm đáp ứng nhu cầu đô thị hóa ngày càng tăng trong khu vực, vốn tạo áp lực lớn lên cơ sở hạ tầng, các biện pháp quản lý và đối phó với biến đổi khí hậu của thành phố cũng như hệ thống xử lý rác thải và vệ sinh cơ bản cho người dân thành phố[19].

Bảng 3.1. Mức độ hài lòng về CLCS của người dân Bangkok và Hà Nội về nhóm chỉ số môi trường tự nhiên, nhà ở

TT	Chỉ số	Bangkok	Hà Nội
1	Đồ đạc và dụng cụ gia dụng	2.90	3.36
2	Bảo trì và sửa chữa nhà ở	2.84	2.88
3	Số lượng và quy mô nhà ở	1.37	2.32
4	Khí hậu thời tiết	3.58	2.92
5	Thiên tai	2.70	2.57

Nguồn: Điều tra khảo sát đề tài luận án, năm 2018, Đỗ Thị Liên Vân (2019)

Đối chiếu vào Bảng 3.1 ở trên, có thể nhận thấy, kết quả điều tra khảo sát dựa trên thang điểm số từ 1,00 đến 5,00 (1,00 điểm là mức điểm thấp nhất, 5,00 là mức điểm cao nhất, từ 3,00 điểm trở lên được tính là mức điểm cao. Dòng bôi đậm là dòng có số điểm thấp dưới 2,50; dưới mức trung bình đó là chỉ số Số lượng và quy mô nhà ở. Điều đó cho thấy, mức độ chưa hài lòng của người dân tại 2 thành phố về số lượng và quy mô nhà ở tại đây. Các chỉ số còn lại đều có mức điểm trên 2,50 điểm, điều đó cho thấy người dân 2 thành phố đều cảm thấy tương đối hài lòng về các chỉ số này, mặc dù số điểm đạt được chưa phải là những mức điểm cao nhất, gồm có: Đồ đạc và dụng cụ gia dụng; Bảo trì và sửa chữa nhà ở; Khí hậu thời tiết; Thiên tai.

Những chỉ số mà người dân Bangkok cảm thấy hài lòng hơn so với người dân Hà Nội gồm: Khí hậu thời tiết (3,58-2,92); Thiên tai (2,70-2,57); Một số chỉ số người dân Hà Nội cảm thấy hài lòng hơn so với người dân Bangkok gồm: Đồ đạc và dụng cụ gia dụng (3,36-2,90); Bảo trì và sửa chữa nhà ở (2,88-2,84); Số lượng và quy mô nhà ở (2,32-1,37). Có thể thấy các số điểm của 2 thành phố đều ở mức tương đương nhau, không có khoảng cách quá lớn.

3.2. Hạn chế

Bên cạnh sự phát triển vượt bậc về kinh tế của cả Bangkok và Hà Nội là những thách thức đi kèm như: sự quá tải cơ sở hạ tầng, tội phạm, ô nhiễm, giá nhà tăng cao và cả việc xuống cấp nghiêm trọng của các điều kiện tự nhiên, hạ tầng kỹ thuật như:

[19] Như chú thích số 13.

Thứ nhất, vấn nạn ô nhiễm không khí, mặt nước, chất thải ngày càng tăng đối với cả hai thành phố; Sự cạn kiệt và khan hiếm của một số nguồn tài nguyên và năng lượng; Sự mất cân bằng về môi trường sinh thái... đã và đang gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng và tác động trực tiếp đến CLCS tại hai thành phố.

Thứ hai, sự quá tải về cơ sở hạ tầng do tập trung quá đông dân cư ở các khu vực nội đô. Thiếu không gian xanh, không gian vui chơi giải trí thanh thiếu niên.

Thứ ba, việc thiếu nhà ở, đặc biệt là nhà ở dành cho người thu nhập thấp và người dân nhập cư từ nông thôn tới. Nhiều tòa nhà chung cư quá cũ không còn đảm bảo an toàn, đe dọa đến tính mạng của người dân.

Thứ tư, những bất cập trong giải quyết các vấn đề bức xúc trong đô thị còn chậm được giải quyết.

3.3. Nguyên nhân

Thứ nhất, quá trình đô thị hoá luôn phát triển trước và mạnh hơn tốc độ phát triển của cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các thành phố.

Thứ hai, biến đổi khí hậu làm cho nhiệt độ của các thành phố ngày càng tăng cao, thiên tai lũ lụt, hạn hán ngày càng nhiều hơn.

Thứ ba, các chính sách về nhà ở cho người thu nhập thấp chưa hiệu quả. Số lượng các chung cư cũ tiến độ cải tạo, sửa chữa còn chậm.

Thứ tư, giá nhà đất ở các thành phố luôn bị đội lên quá cao so với giá trị thực của nó.

Thứ năm, chất lượng quy hoạch đô thị đã không đảm bảo nối theo kịp sự phát triển quá nhanh, quá nóng của các đô thị. Các dự án cung cấp nước sạch còn chậm. Còn nhiều dự án quy hoạch treo, chậm triển khai.

Thứ sáu, bộ máy chính quyền vẫn còn cồng kềnh, hoạt động chưa hiệu quả, chưa theo kịp sự phát triển của công nghiệp 4.0. Tệ tham nhũng vặt; thủ tục hành chính; thái độ, hành vi ứng xử của một bộ phận cán bộ công chức, viên chức với nhân dân còn chưa đúng mực, gây khó khăn cho doanh nghiệp.

3.4. Bài học kinh nghiệm

Một là, phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường và nâng cao CLCS người dân. Trải qua một thời gian dài phát triển, cả Bangkok và Hà Nội đều chỉ chú ý phát triển kinh tế về số lượng mà không chú trọng đến phát triển theo chiều sâu (chất lượng). Do đó, đến nay, các thành phố đang phải trả giá cho việc ô nhiễm không khí, tiếng ồn, mặt nước, nước ngầm, đất đai... với những vấn nạn đang đe dọa cuộc sống người dân như: thay đổi về thời tiết, khí hậu, hạn hán, lũ lụt, úng ngập, thiếu nước sinh hoạt, dịch bệnh, quá tải cơ sở hạ tầng.

Hai là, biến đổi khí hậu, thiên tai, hạn hán, bão lũ, thời tiết cực đoan tiếp tục diễn biến phức tạp. Bài học đắt giá về chống ngập lụt ở đô thị Bangkok là bài học cần thiết cho Hà Nội hiện nay. Cần tổ chức nghiên cứu nghiêm túc, nguồn gốc, diễn biến và tác động của các trận lụt đã diễn ra để chủ động xây dựng các kịch bản phòng ngừa, đối phó hiệu quả, phù hợp với điều kiện của Hà Nội.

Ba là, tăng cường kiểm soát và ổn định thị trường bất động sản nhằm hạ nhiệt giá nhà đất. Từng bước đảm bảo để đa số người dân có thể đủ điều kiện mua nhà sinh sống. Hà Nội cần tham khảo kinh nghiệm của Bangkok trong việc phát triển nhà ở và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ ra các đô thị vệ tinh nhằm thu hút dân cư đến sinh sống; kinh nghiệm về quản lý, đầu tư xây dựng nhiều khu nhà ở xã hội cho người dân nhập di cư từ nông thôn tới.

Bốn là, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của người dân. Hà Nội có thể tham khảo kinh

nghiệm của Bangkok về nâng cao nhận thức, ý thức của người dân và tổ chức về thực hiện giữ gìn vệ sinh môi trường. Tăng cường tuyên truyền, kiểm tra, giám sát và có chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các hành vi vi phạm.

Năm là, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng và quản lý đô thị, từ công tác quy hoạch, kế hoạch và tổ chức thực hiện. Chỉ phê duyệt xây dựng các khu đô thị có đầy đủ cơ sở hạ tầng, dịch vụ xã hội, không gian xanh, vui chơi giải trí. Hạn chế tới mức thấp nhất việc xây dựng các cao ốc trong nội đô. Khẩn trương thực hiện mô hình chính quyền đô thị và thành phố thông minh để giải quyết các vấn đề đô thị ở Hà Nội hiện nay.

Kết luận

Qua nghiên cứu, phân tích, so sánh thực trạng CLCS của Bangkok và Hà Nội thông qua nhóm chỉ số môi trường tự nhiên và nhà ở của Mercer, có thể đưa ra một số kết luận sau: *thứ nhất*, mật độ dân số ở khu vực nội đô của Bangkok và Hà Nội càng tăng cao thì CLCS thành phố càng giảm tức là mật độ dân số quá đông sẽ tỷ lệ nghịch chiều đối với CLCS. Việc gia tăng dân số cơ học quá cao cũng là nguyên nhân chính gây áp lực đối với các vấn đề về hạ tầng đô thị, xã hội, quốc phòng, an ninh và phòng chống cháy nổ...; *thứ hai*, biến đổi khí hậu là nhân tố tác động gián tiếp nhưng sâu rộng và ảnh hưởng lớn đến CLCS đô thị. Đây là vấn đề mang tính khu vực và toàn cầu cần phải có kế hoạch vừa trước mắt vừa lâu dài; *thứ ba*, các chỉ số môi trường tự nhiên, nhà ở là những vấn đề có tác động lớn và lâu dài tới CLCS đô thị; *thứ tư*, CLCS thành phố có tác động trái chiều với các vấn đề nóng, bức xúc của thành phố; *thứ năm*, năng lực quản lý của chính quyền đô thị cũng như ý thức của người dân càng cao (tỷ lệ thuận chiều) thì CLCS thành phố càng cao.

Tài liệu tham khảo

1. The World Health Organization quality of life assessment (WHO QOL) (1995), Possition paper from the World Health Organization, *Social Science & Medicine*, 41 (10), pp.13 - 19.

2. Marans, R.W (2012), Quality of Urban Life Studies: An Overview and Implications for Environment - Behaviour Research, *Procedia - Social and Behavioral Sciences*, Vol. 35, pp.9 - 22.

3. Smith, T. et al (1997), Quality of an urban community: A framework for understanding the relationship between quality and physical form, *Landscape and Urban Planning*, 39 (2), pp.229–241.

4. UN - Habitat & ACVN (2010), "Vietnam Urban Indicators", in Vietnam Urban Indicators and Urban Management in Vietnam, Ninh Binh, Vietnam.

5. Mercer (2015), *The Mercer Quality of Living Survey*. MERCER; New York, NY, USA: 2015.

6. Thaiutsa B, et al (2008), *Urban green space, street tree and heritage large tree assessment in Bangkok, Thailand*, Urban Forestry & Urban Greening 2008; pp.219-229.

7. Divya Leducq & Helga - Jane Scarwell (2017), *The new Hanoi: Opportunities and challenges for future urban development, Cities: Vol 72*, pp.70 - 81.

8. Bangkok Metropolitan Adminstration (BMA) (2018), "*Bangkok Metropolitan Council*", Retrieved 21 April 2018.

9. Klongvessa P (2012), *Flood mitigation for local rainfall in Bangkok Noi and Bangkok YAi district uses MIKE 11 model*, Master of science, Geological area, science department, Chulalongkorn University.

10. Limjirakan S, Limsakul A, Srlburi T (2010b), *Trends in temperature and exTreme changEs rainfall in Bangkok Metropolitan, arEA* J Environ Res 32 (1): 31-48.

11. Ban cán sự Đảng UBND TP Hà Nội (2018), *Báo cáo số 435- BC/BCS ngày 21/9/2018 về báo cáo kết quả 1 năm thực hiện Nghị quyết 11-*

NQ/TU ngày 31/5/2017 Thành ủy về "Tăng cường công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2020 và những năm tiếp theo".

12. Thông Tấn (2016), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2014 - Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam*, tr 8,9,13,21,34.

13. National Housing Authority of Thailand (2013), *A housing survey in Thailand*, Final report of the Japan International Cooperation Agency (JICA) and Japan International Development Center Inc (2013).

14. Bangkok Urban Government (2014), *Bangkok*, http://www.bangkok.go.th/rongtook htm, truy cập 11/11/2017.

15. Provincial local government (DOLA) (2013), *The standard for low - income managers, Research report, 2006; Housing Situations in Thailand*, National House of Thailand (2013), pp.29 - 50.

16. UBND thành phố Hà Nội (2018), *Báo cáo số 30/BC -UBND ngày 13/11/2018 về "Đánh giá giữa kỳ thực hiện Kế hoạch phát triển KT - XH 5 năm 2016 - 2020"*.

17. Đỗ Thị Liên Vân (2019), *Nghiên cứu so sánh chất lượng cuộc sống Bangkok và Hà Nội qua Bộ chỉ số của Mercer*, luận án tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học QGHN, 2019.

18. Banai and Rapino (2009), *Rapino Urban theory since a theory of good city form (1981) - A progress review Journal of Urbanism: International Research on Placemaking and Urban Sustainability*, 2 (3) (2009), pp.259 - 276.